

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;
Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 31 tháng 10 năm 2018 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 24/2018/TLST-KDTM ngày 06/8/2018 về “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”.

Căn cứ Điều 26 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 7 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

+ **Nguyên đơn:** Ngân hàng TMCP A

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đỗ Minh T - Tổng Giám Đốc

Địa chỉ: Số 442, K, phường 5, quận X, thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Ngô Phi C - Giám đốc Ngân hàng TMCP A - Chi nhánh Bắc Giang.

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Bà Phạm Thị T - Nhân viên xử lý nợ. Theo Giấy ủy quyền số 154/UQ-ACB18 ngày 30/10/2018 của Giám đốc Ngân hàng TMCP A, chi nhánh Bắc Giang.

Địa chỉ: Tầng 6, số 10, P, quận H, thành phố Hà Nội

+ **Bị đơn:**

1. Ông Nguyễn Kim H, sinh năm 1969

2. Bà Hoàng Thị Hải Y, sinh năm 1972

Cùng địa chỉ: Số 13, ngõ 32, đường L, phường N, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

+ **Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

Bà Hoàng Thị Hải Y, sinh năm 1972

Địa chỉ: Số 13, ngõ 32, đường L, phường N, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Ông Nguyễn Kim H và bà Hoàng Thị Hải Y trả cho Ngân hàng Ngân hàng TMCP A số tiền nợ theo Hợp đồng tín dụng số BGI.CN.02161112 ngày 16/11/2012; Phụ lục hợp đồng số BGI.CN.02161112 ngày 19/11/2013; Phụ lục hợp đồng số BGI.CN.02161112/PL02 ngày 23/10/2015 và các khế ước nhận nợ cụ thể: Khế ước nhận nợ số 07, tài khoản vay số 159789299 ngày 07/5/2013; Khế ước nhận nợ số 08, tài khoản vay số 159975409 ngày 21/5/2013; Khế ước nhận nợ số 09, tài khoản vay số 160138229 ngày 24/5/2013; Khế ước nhận nợ số 10, tài khoản vay số 161343719 ngày 15/6/2013; Khế ước nhận nợ số 11, tài khoản vay số 166126589 ngày 13/9/2013; Khế ước nhận nợ số 12, tài khoản vay số 166243639 ngày 16/9/2013; Khế ước nhận nợ số 13, tài khoản vay số 166656679 ngày 24/9/2013.

Tổng dư nợ tạm tính đến ngày 10/10/2018 là 2.426.875.327 đồng (bằng chữ: Hai tỉ bốn trăm hai mươi sáu triệu tám trăm bảy mươi lăm nghìn ba trăm hai mươi bảy đồng). Trong đó tiền gốc là 880.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn: 1.034.490.306 đồng; Tiền lãi quá hạn: 512.384.931 đồng. Thời gian trả nợ cụ thể:

- Ngày 25/11/2018 trả 5.000.000 đồng tiền gốc
- Ngày 25/12/2018 trả 5.000.000 đồng tiền gốc
- Ngày 25/01/2019 trả 10.000.000 đồng tiền gốc
- Ngày 25/02/2019 trả 10.000.000 đồng tiền gốc
- Ngày 25/03/2019 trả 10.000.000 đồng tiền gốc
- Ngày 25/04/2019 trả 840.000.000 đồng tiền gốc, toàn bộ tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng từ ngày 11/10/2018 đến ngày trả hết nợ và tất toán toàn bộ khoản vay.

2. 2. Trường hợp ông Nguyễn Kim H và bà Hoàng Thị Hải Y vi phạm bất cứ kỳ hạn trả nợ nào thì Ngân hàng TMCP A được quyền yêu cầu cơ quan pháp luật có thẩm quyền xử lý việc thi hành án theo quy định chung đối với toàn bộ vụ án và Ngân hàng được đề nghị phát mại tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất 15, tờ bản đồ số 26, diện tích đất: 74 m², địa chỉ thửa đất phường H, thành phố B, tỉnh Bắc Giang, đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số W044906, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01052 QSDĐ/QĐ775QĐ-UB(TX)/Q3-T93 do UBND thị xã B, tỉnh Bắc Giang cấp cho hộ ông Nguyễn Thế L ngày 27/11/2002, chuyển nhượng cho bà Hoàng Thị Hải Y ngày 19/4/2011. Theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất số BGI.BĐCN.0104052011 ngày 04/5/2011.

2.3. Về án phí: Ông Nguyễn Kim H và bà Hoàng Thị Hải Y phải chịu 40.268.750 đồng án phí dân sự. Hoàn trả Ngân hàng TMCP A số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 39.320.000 đồng theo biên lai số AA/2012/06906 ngày 06/8/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Bắc Giang

2.4. Về chi phí tố tụng: Ngân hàng TMCP A nhận chịu 2.000.000 đồng tiền chi phí xem thẩm định tại chỗ. Xác nhận Ngân hàng TMCP A đã thi hành xong.

2. 5. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày 11/10/2018 khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số BGI.CN.02161112 ngày 16/11/2012; Phụ lục hợp đồng số BGI.CN.02161112 ngày 19/11/2013; Phụ lục hợp đồng số BGI.CN.02161112/PL02 ngày 23/10/2015 và các khế ước nhận nợ cụ thể: Khế ước nhận nợ số 07, tài khoản vay số 159789299 ngày 07/5/2013; Khế ước nhận nợ số 08, tài khoản vay số 159975409 ngày 21/5/2013; Khế ước nhận nợ số 09, tài khoản vay số 160138229 ngày 24/5/2013; Khế ước nhận nợ số 10, tài khoản vay số 161343719 ngày 15/6/2013; Khế ước nhận nợ số 11, tài khoản vay số 166126589 ngày 13/9/2013; Khế ước nhận nợ số 12, tài khoản vay số 166243639 ngày 16/9/2013; Khế ước nhận nợ số 13, tài khoản vay số 166656679 ngày 24/9/2013. Trường hợp trong hợp đồng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2.6. Về hướng dẫn thi hành án dân sự: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2- Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7, 7a, 7b và 9 - Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 - Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- Chi Cục THADS TP. B;
- VKS TP. B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Ngô Thị Thanh Hảo